TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày 15-5-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phạm Đức Ch, sinh năm 1950. HKTT: Số 236 đường ĐBP, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Số 28 ngõ 01 đường QT, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

-Bị đơn: Bà Bùi Thị Ch1, sinh năm 1947. HKTT: Số 236 đường ĐBP, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Số 79 đường NVT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 224 đường CMTT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 79 đường NVT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 254 đường CMTT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Bà Bùi Thị K, sinh năm 1950, địa chỉ: Số 324 đường CMTT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Tất cả điều có mặt, riêng bà Bùi Thị L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Phạm Đức Ch trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ch1 tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/1986 tại Ủy ban nhân dân phường NL, thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2020, vợ chồng có xảy ra một số vấn đề mâu thuẫn do không hiểu nhau. Bà Ch1 có mong muốn vào thành phố Bà Rịa để sinh sống nên vợ chồng mâu thuẫn. Kể từ khi bà Ch1 chuyển vào thành phố Bà Rịa, vợ chồng chính thức ly thân, tình cảm không còn. Do đó, ông Ch yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phạm Tiến Đ, sinh năm 1988, đã trưởng thành bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà Ch1 có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Nhà đất tọa lạc tại số 28 ngõ 01 QT, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là nhà đất tại đường QT) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Phạm Đức Ch và bà Bùi Thị Ch. Ông Ch yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản theo hướng công nhận cho ông được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất trên; ông Ch có trách nhiệm trả lại cho bà Ch1 ½ giá trị nhà đất.

- Số tiền mặt 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng mà bà Ch1 đang quản lý. Đối với số tiền này, ông Ch yêu cầu chia theo hướng để cho bà Ch1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng số tiền này.

- Khoản tiết kiệm 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng đứng tên ông Ch. Đối với số tiền này, ông Ch yêu cầu chia theo hướng để cho ông Ch được toàn quyền sở hữu, sử dụng số tiền này.

- Số tiền 6.500.000.000 (sáu tỉ, năm trăm triệu) đồng mà vợ chồng ông đã chuyển khoản cho ông Bùi Quốc T để nhờ ông T mua căn nhà 79 NVT, phường PH, thành phố Bà Rịa giùm vợ chồng ông. Căn nhà này hiện đứng tên ông Bùi Quốc T. Ông Ch yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền 6.500.000.000 (sáu tỉ, năm trăm triệu) đồng để Tòa án chia đôi số tiền trên theo hướng ông và bà Ch mỗi người được hưởng 3.250.000.000 (ba tỉ, hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Quá trình làm việc và tại Tòa, bị đơn – bà Bùi Thị Ch1 trình bày:

Bà và ông Phạm Đức Ch kết hôn năm 1986 tại UBND phường NL, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng (nay là thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2020, ông Ch đánh đập bà nên bà phải chuyển vào thành phố Bà Rịa sinh sống cho đến nay. Tuy nhiên, vì hiện nay tuổi bà đã cao nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phạm Tiến Đ, sinh năm 1988, đã trưởng thành bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đã trả hết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có:

- 01 (một) căn nhà diện tích 39,7m^2 được xây dựng trên phần đất có diện tích 39,7m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại số 28 ngõ 01 QT, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Ch, bà Ch1. Nguồn gốc tài sản là được tạo lập từ việc bán căn nhà trước đây ông Ch, bà Ch1 từng ở tọa lạc tại 236 ĐBP, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là nhà tại đường ĐBP) vào năm 2020. Căn nhà tại đường ĐBP có nguồn gốc được hình thành trước thời kỳ hôn nhân, cụ thể là do bà nhận chuyển nhượng vào năm 1983, đến năm 1986 bà mới kết hôn với ông Ch và năm 2009 thì vợ chồng mới được cấp giấy chứng nhận. Trường hợp buộc phải ly hôn thì bà Ch1 yêu cầu Tòa án xem xét chia cho bà phần hơn theo hướng bà được hưởng 06 phần, ông Ch 04 phần và công nhận cho bà được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà vì bà không có chỗ ở; bà Ch1 sẽ trả cho ông Ch phần giá trị mà ông Ch được hưởng.

-Đối với số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng mà ông Ch cho rằng bà Ch1 đang quản lý, bà xác định số tiền này cũng có sự thay đổi không cố định, lúc

tăng lúc giảm và bà đồng ý chia đôi số tiền này theo quy định nếu ông Ch yêu cầu. Ông Ch tự nguyện để cho bà được sử dụng số tiền này, bà cũng đồng ý.

-Đối với số tiền tiết kiệm đứng tên ông Phạm Đức Ch là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nhưng hiện nay còn 400.000.000 đồng do ông Ch đã sử dụng hết 100.000.000 đồng thì bà không có ý kiến gì đối với số tiền 100.000.000 đồng ông Ch đã sử dụng. Số tiền còn lại, bà Ch1 nhất trí để ông Ch toàn quyền sử dụng.

-Đối với số tiền 6.300.000.000 (sáu tỉ ba trăm triệu) đồng: Số tiền này có nguồn gốc từ việc bán căn nhà tại đường ĐBP vào năm 2020. Do trước đó có các khoản nợ mãi không trả được nên vợ chồng ông bà thống nhất bán căn nhà được 9.000.000.000 (chín tỉ) đồng. Số tiền 9.000.000.000 đồng này sau đó được sử dụng như sau:

+ Mua căn nhà ở số 28 ngõ 01 QT, thành phố Hải Dương với số tiền 1.400.000.000 đồng.

+ Sửa nhà hết 300.000.000 đồng.

+ Gửi sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng.

+ Cho các con riêng của ông Ch mỗi người 100.000.000 đồng, tổng cộng 03 người con là hết 300.000.000 đồng.

+ Trả tiền môi giới nhà đất: 70.000.000 đồng.

+ Bị phạt cọc 70.000.000 đồng (do trước khi mua căn nhà tại đường QT, ông bà dự định mua một căn nhà khác và đã đặt cọc nhưng sau đó không mua nữa nên bị mất cọc).

+ "Lại lộc" cho người mua nhà 10.000.000 đồng.

+ Tiền thuế các loại khi sang nhượng, bồi dưỡng cho thợ và chi tiêu vặt trong quá trình sửa nhà: 20.000.000 đồng.

+ Cho các cháu là con của con riêng ông Ch tổng số tiền 10.000.000 đồng.

+ Trả nợ ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng.

+ Trả nợ cho bà Bùi Thị L 25 cây vàng, số tiền 1.325.000.000 đồng. Đây là số nợ mà vợ chồng ông bà đã vay để làm nhà vào năm 2000.

+ Trả nợ cho bà Bùi Thị K 25 cây vàng, số tiền 1.325.000.000 đồng. Đây là khoản nợ mà vợ chồng ông bà đã vay để làm nhà vào năm 1998.

+ Trả nợ cho bà Bùi Thị K số tiền 500.000.000 đồng là tiền vay của bà K để cho con trai là Phạm Tiến Đ đi học từ năm 2005 đến năm 2007.

+ Trả nợ cho bà Bùi Thị K số tiền 500.000.000 đồng là tiền vay của bà K để đưa cho Phạm Tiến Đ vào thành phố Bà Rịa sinh sống, lập nghiệp.

+ Năm 2014, vợ chồng có mở quán kinh doanh điện tử ở đường Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu nên có vay của bà Bùi Thị K số tiền 1.100.000.000 đồng.

+ Trả nợ thay cho con trai là Phạm Tiến Đ số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2020.

+ Trả tiền lãi cho bà K của các khoản vay nói trên là 1.000.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền 6.300.000.000 đồng nói trên đã sử dụng hết nên không còn để chia. Tuy nhiên, theo đơn đề ngày 24/3/2023, ông Ch không yêu cầu chia nữa thì bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Quốc T trình bày:*

Ông là cháu ruột của bà Ch1 và là cháu rể của ông Ch. Tháng 11/2020, ông có nhận số tiền 6.300.000.000 đồng do ông Ch, bà Ch1 nói là để ông giữ hộ nhằm sau này để cho bà Ch1 trả nợ.

Tháng 12/2020, bà Ch1 chuyển vào thành phố Bà Rịa sinh sống và đang sống nhờ tại nhà của ông tại địa chỉ 79 NVT, phường PH, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Căn nhà này là của ông T mua, không liên quan gì đến số tiền ông Ch, bà Ch gửi vào cho ông. Số tiền 6.300.000.000 đồng, ông T đã trả lại cho bà Ch1 vào ngày 15/01/2021 và giấy viết tay biên nhận. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại nhà của ông T và không có người chứng kiến. Đối với việc ông Ch cho rằng có chuyển khoản số tiền 6.500.000.000 đồng cho ông T để nhờ ông T mua nhà giùm cho ông Chi, bà Ch1 ở thành phố Bà Rịa, ông T không đồng ý vì ông xác định chỉ giữ giùm ông Ch, bà Ch. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ch liên quan đến việc yêu cầu ông T phải trả lại số tiền 6.500.000.000 đồng, ông T không đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Tiến Đ trình bày:*

Ông là con trai chung của ông Phạm Đức Ch và bà Bùi Thị Ch1. Bố mẹ ông (ông Ch, bà Ch1) chung sống nhiều năm đều hạnh phúc, có đôi lúc mâu thuẫn nhưng đều là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Nay bố mẹ ông đều đã lớn tuổi, nhiều bệnh nên cần sống nương tựa vào nhau.

Ông Đ được biết quá trình chung sống, bố mẹ ông có tài sản chung là 01 (một) căn nhà ở số 28 ngõ 01 đường QT, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và 01 (một) sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng đứng tên ông Phạm Đức Ch. Ngoài những tài sản nói trên thì ông Đ không biết ông Ch, bà Ch1 còn tài sản chung nào khác nữa không. Đối với việc số tiền có được từ việc bán căn nhà tại đường ĐBP đã được sử dụng vào những mục đích gì, việc gì thì ông Đ không biết. Đối với nội dung bà Ch1 trình bày là trong thời gian nuôi ông Đ ăn học từ năm 2005 đến năm 2007 thì có vay mượn tiền của các chị em trong gia đình để đưa cho ông Đ đi học thì ông Đ cho biết do gia đình có ý định cho ông đi du học nên có đầu tư cho ông đi học nhiều thứ để chuẩn bị nên ông có nghe nói bố mẹ phải vay mượn nhưng

cụ thể như thế nào thì ông Đ không biết. Đối với việc bà Ch1 cho rằng khi xây nhà số 236 ĐBP có vay tiền của bà Bùi Thị K, bà Bùi Thị L thì ông Đ cũng không nắm được chi tiết. Khi ông Đ vào thành phố Vũng Tàu kinh doanh thì ông có xin tiền của bố mẹ ông khoảng 1.000.000.000 (một tỉ) đồng để kinh doanh. Sau này, khi ông kết hôn, lập gia đình thì hàng tháng, bố mẹ ông vẫn hỗ trợ cho ông để phụ ông lo cho con cái. Ngoài ra, ông Đ không biết gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Bùi Thị L trình bày:*

Bà Bùi Thị Ch1 là chị gái của bà Bùi Thị L. Bà L nhận thấy gia đình ông Ch, bà Ch1 chung sống hạnh phúc, không có vấn đề gì đến mức phải ly hôn.

Năm 2000, khi bà Ch1 xây nhà thì bà L có cho bà Ch1 vay 25 cây vàng, không tính lãi. Việc đưa vàng là đưa trực tiếp, không có lập giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng. Ngày 15/01/2021, bà Ch1 trả tiền mặt cho bà L với số tiền 1.375.000.000 (một tỉ ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Việc giao nhận tiền có sự chứng kiến của bà Bùi Thị K.

Do ông Ch, bà Ch1 đã thanh toán hết nợ cho bà L nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Bùi Thị K trình bày:*

Bà Bùi Thị Ch1 là chị gái của bà Bùi Thị K. Bà K nhận thấy gia đình ông Ch, bà Ch1 chung sống hạnh phúc, không có vấn đề gì đến mức phải ly hôn.

Năm 1998, bà K có cho ông Ch, bà Ch1 vay 25 cây vàng để làm nhà. Khi cho vay, không lập giấy tờ gì. Trong các năm từ 2006 đến 2008, bà còn cho ông Ch, bà Ch1 vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng để cho con trai là Phạm Tiến Đ học đại học. Khi anh Đ vào thành phố Bà Rịa sinh sống và học tập, bà K tiếp tục cho ông Ch, bà Ch1 vay thêm số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Năm 2014, ông Ch, bà Ch1 vay của bà K số tiền 1.100.000.000 (một tỉ một trăm triệu) đồng để đưa cho Đ mở tiệm kinh doanh điện tử trên đường Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu. Năm 2020, bà Ch1 vay thêm 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng để trả nợ thay cho con. Tất cả các khoản vay của ông Ch, bà Ch1 đều chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ gì, không tính lãi. Tổng số tiền lãi ông Ch, bà Ch1 còn nợ bà K là 1.000.000.000 (một tỉ) đồng. Đến nay, ông Ch, bà Ch1 đã trả cho bà K toàn bộ số nợ là 3.700.000.000 (ba tỉ, bảy trăm triệu) đồng tiền gốc và 1.000.000.000 (một tỉ) đồng tiền lãi.

Căn nhà 79 NVT, phường PH, thành phố Bà Rịa là của ông Bùi Quốc T (cháu ruột của bà K, bà Ch1, bà L) mua và hiện đang cho bà Ch1 ở nhờ.

Bà K không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 05/6/2023 Ông Ch và bà Ch1 xác định nội dung tranh chấp, yêu cầu giải quyết:

-Nhà và đất toạ lạc tại số 28 ngõ 1 QT, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

-Số tiền tiết kiêm 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng.

-Số tiền bà Ch1 chuyển khoản cho ông Bùi Quốc T là 6.300.00.000 (sáu tỷ ba trăm triệu) đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; các điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 29, 33, 34, 46, 51, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức Ch.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Đức Ch và bà Bùi Thị Ch1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phạm Tiến Đ, sinh năm 1988, đã trưởng thành.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản: Xác định tài sản chung của ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 gồm:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 28 ngõ 01 đường QT, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 trị giá 1.564.870.250 (một tỉ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015203 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015499 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000124 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000113 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền 6.230.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Ông Ch, bà Ch1 được chia tài sản chung theo tỉ lệ 4/6 (ông Ch 04 phần, bà Ch1 06 phần).

Ông Ch là người được trực tiếp sử dụng và sở hữu nhà và đất cùng các khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 222704010015499 của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương, khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 222704010015203 của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh, Khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 06906925577000124 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) và khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000113 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương, tất cả đều đều đứng tên Phạm Đức Ch.

Bà Bùi Thị Ch1 có trách nhiệm trả cho ông Ch số tiền 1.355.077.850 (một tỉ, ba trăm năm mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi) đồng.

Ngày 29/6/2023 Toà án thành phố Bà Rịa có ban hành Quyết định bổ sữa chữa, bổ sung bản án: Đình Chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức Ch, yêu cầu chia với số tiền mặt 600.000.000(sáu trăm tiêu)đồng do bà Bùi Thị Ch1 quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29-6-2023, bà Bùi Thị Ch1 làm đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm như sau: Bà Ch1 yêu cầu công nhận cho bà được quyền trực tiếp sử dụng, sở hữu nhà đất tại đường QT, thành phố Hải Dương vì hiện nay bà Ch 1 cũng không có chỗ ở; Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ phần xử lý đối với số tiền 6.300.000.000đồng của cấp sơ thẩm vì số tiền nay đã được sử dung vào việc chung trả nợ chung hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phạm Đức Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Bùi Thị Ch1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Ch1 gửi trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Ch và bà Ch1 tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại Ủy ban nhân dân phường NL, thành phố Hải Dương, sau thời gian sống chung đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, bà Ch1 bỏ vào Bà Rịa, nay ông Ch yêu cầu ly hôn, bà Ch đồng ý. Cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với ý chí của ông Ch, bà Ch1, vấn đề này đương sự không kháng cáo nên không xem xét. Về nợ chung không có. Về tài sản chung, ông Ch và bà Ch1 đều thống nhất vợ chồng có những tài sản sau:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 28 ngõ 01 đường QT, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 trị giá 1.564.870.250 (một tỉ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

- Khoản tiền tiết kiệm 330.000.000đồng hiện đang đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền 6.300.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ch và bà Ch1 thống nhất chia tỷ lệ 4/6 (ông Ch 4 phần, bà Ch1 6 phần). Bà Ch1 cho rằng số tiền 6.300.000.000 (Sáu tỉ ba trăm triệu) đồng đã được sử dụng để trả nợ, hiện khoản tiền này không còn tồn tại nữa. Tuy nhiên bà Ch1 không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho các khoản nợ đã được trả, cấp sơ thẩm chia khoản tiền theo tỷ lệ 4/6 là phù hợp nên yêu cầu của bà Ch1 về khoản tiền này là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo được trực tiếp sử dụng căn nhà tại đường QT, thành phố Hải Dương. Căn nhà này hiện đang được ông Ch quản lý, sử dụng nên cấp sơ thẩm giao cho ông Ch tiếp tục sử dụng, ông Ch có trách nhiệm hoàn lại số tiền giá trị được hưởng từ căn nhà này cho bà Ch1 là phù hợp. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ch1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Ch1 gửi trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung kháng cáo:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông Ch và bà Ch1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào năm

1986. Ông Ch và bà Ch1 chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được do bất đồng quan điểm sống, sau đó bà Ch1 chuyển đến thành phố Bà Rịa sinh sống. Nay ông Ch có đơn yêu cầu được ly hôn thì bà Ch1 đồng ý vì cả hai đều không còn tình cảm với nhau. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ch và bà Ch1 là phù hợp. Nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông Ch và bà Ch1 có 01 con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về nợ chung: Ông Ch cho rằng không có nợ chung, còn bà Ch1 xác nhận không có nợ chung vì đã trả hết nên cả hai không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Bùi Thị L và Bùi Thị K không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung:

Tại phiên toà sơ thẩm ông Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ch về yêu cầu chia số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng do bà Ch1 quản lý. Căn cứ điều 244 Bộ luật tố tung dân sự Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng pháp luật.

Qua lời khai của ông Ch và bà Ch1 xác định tài sản chung gồm có:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 28 ngõ 01 đường QT, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 trị giá 1.564.870.250 (một tỉ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015203 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015499 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000124 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000113 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền 6.300.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Sau khi xem xét nguyện vọng của các bên thống nhất chia theo công sức đóng góp tỷ lệ 4/6, theo đó ông Ch 4 phần bà Ch1 6 phần. Đối với yêu cầu kháng cáo được sử dụng căn nhà tại đường QT, thành phố Hải Dương. Hội đồng xét xử thấy rằng, năm 2020 do xảy ra mâu thuẫn nên bà Ch1 đã tự ý bỏ vào thành phố Bà Rịa sinh sống, từ đó đến nay ông Ch là người trực tiếp quản lý, sử dụng, sinh sống tại căn nhà này, ngoài ra ông Ch không còn căn nhà nào khác. Trong khi đó bà Ch1 đã vào thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cùng con trai ổn định từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy cấp sơ thẩm đã giao nhà cho ông Ch được sử dụng sau khi ly hôn, ông Ch có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền chia theo tỷ lệ cho bà Ch1 là phù hợp.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ch1 về số tiền còn lại sau khi bán nhà là 6.300.000.000 (sáu tỉ ba trăm triệu) đồng. Khoản tiền này có nguồn gốc từ việc bán căn nhà ở HT được 9.000.000.000đồng, sau khi trừ các khoản chi phí như mua nhà ở đường QT, các khoản phí sửa nhà, gửi tiền tiết kiệm để ông Ch đứng tên và các chi phí khác còn lại 6.300.000.000 đồng chuyển vào cho ông T giữ dùm. Quá xác minh thu thập chứng cứ cùng lời trình bày của ông Ch và bà Ch1 đều xác nhận có khoản tiền này tồn tại và bà Ch1 là người gửi cho ông T và cũng người nhận lại số tiền này từ ông T, phù hợp với lời khai của ông T và các chứng cứ khác. Cấp sơ thẩm đã xem xét phân chia khoản tiền này là tài sản trong thời kỳ hôn nhân theo tỷ lệ ông Ch được hưởng 4 phần bà Ch1 hưởng 6 phần là có cơ sở. Theo lời trình bày của bà Ch1, khoản tiền này đã được sử dụng để trả nợ hết nên hiện nay không còn tồn tại để chia. Các khoản nợ như bà Ch1 trình bày gồm:

- Trả nợ cho bà Bùi Thị L 25 cây vàng, tổng số tiền 1.325.000.000 (một tỉ ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

- Trả nợ cho bà Bùi Thị K 25 cây vàng, tổng số tiền 1.325.000.000 (một tỉ ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Số tiền này bà Ch1 trình bày là khoản nợ vợ chồng bà vay khi làm nhà năm 1998.

- Trả cho bà Bùi Thị K số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là tiền vay để cho con trai chung của vợ chồng là anh Phạm Tiến Đ học đại học từ năm 2005 – 2007.

- Trả cho bà Bùi Thị K số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là tiền vay để đưa cho con trai là anh Phạm Tiến Đ vào thành phố Bà Rịa lập nghiệp, sinh sống từ năm 2009 đến năm 2014.

- Năm 2014, anh Phạm Tiến Đ có mở quán điện tử ở đường Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu. Bà Ch1 trình bày, lúc này, ông Ch, bà Ch1 có vay bà K số tiền 1.100.000.000 (một tỉ, một trăm triệu) đồng để đưa cho anh Đ.

- Trả nợ thay con là anh Phạm Tiến Đ số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ông Ch chỉ thừa nhận có việc trả nợ giùm con số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Trả lãi cho bà Kỳ số tiền 1.000.000.000 (một tỉ) đồng.

Đối với các khoản nợ mà bà Ch1 đã trình bày, ông Ch chỉ thừa nhận khoản tiền 40.000.000đồng trả nợ thay cho con là anh Phạm Tiến Đ và trả nợ ngân hàng 30.000.000đồng. Ngoài ra các khoản nợ như bà Ch1 trình bày ông Ch cho là không có, theo ông Ch quá trình xây nhà và nuôi con, khoản tiền cho con lập nghiệp đều từ khoản thu nhập của ông bà, không có phát sinh bất cứ khoản vay nào vì lúc đó vợ chồng ông còn có tiền dư mà để bà Ch1 cho vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ch1 cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào cho các khoản vay nợ, trả nợ trên. Do đó việc bà Ch1 cho rằng số tiền 6.300.000.000 (sáu tì ba trăm triệu) đồng dùng để trả nợ chung là không có căn cứ, mà chỉ có 70.000.000 (bay mươi triệu) đồng dùng để trả nợ theo thừa nhận của ông Ch. Vì vậy số tiền chỉ còn lại là 6.230.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Do đó xác định số tiền còn lại là 6.230.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng là tài sản chung của vợ chồng cần được phân chia theo pháp luật, do trong quá trình tạo lập tài chung của vợ chồng, bà Ch1 có công sức đóng góp nhiều hơn, theo đó cấp sơ thẩm đã chia theo tỷ lệ (4/6) trong đó ông Ch được sở hữu 4 phần bà Ch1 được sở hữu 6 phần trên toàn bộ tài sản chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Ch1 về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao căn nhà ở đường QT, thành phố Hải Dương cho bà Ch sử dụng; không chấp nhận kháng cáo đối với việc xem xét không phân chia số tiền 6.300.000.000đồng vì dùng cho việc trả nợ chung.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Ch1 và ông Ch không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Ch phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:* Bà Ch1 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên xét ông Ch và bà Ch1 đều là người lớn tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; các điều 147, 157, 165, 244, 271, 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 29, 33, 34, 46, 51, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Ch1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đình Chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức Ch, yêu cầu chia với số tiền mặt 600.000.000(sáu trăm tiêu)đồng do bà Bùi Thị Ch1 quản lý.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức Ch.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Đức Ch và bà Bùi Thị Ch1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phạm Tiến Đ, sinh năm 1988, đã trưởng thành.

3. Về nợ chung: Ông Ch cho rằng không có nợ, bà Ch cho rằng nợ chung đã trả hết nên Ông Chiến bà Chiên không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản: Xác định tài sản chung của ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 gồm:

- Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số 28 ngõ 01 đường QT, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CY 767983 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 30/12/2020 đứng tên ông Phạm Đức Ch, bà Bùi Thị Ch1 trị giá 1.564.870.250 (một tỉ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015203 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đồng tại số tài khoản 222704010015499 Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương đứng tên Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000124 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

-Khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000113 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương đứng tên ông Phạm Đức Ch.

- Khoản tiền 6.230.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Ông Ch, bà Ch1 được chia tài sản chung theo tỉ lệ 4/6 (ông Ch 04 phần, bà Ch 06 phần).

Ông Ch là người được trực tiếp sử dụng và sở hữu nhà và đất cùng các khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 222704010015499 của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương, khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 222704010015203 của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hải Dương, Khoản tiền tiết kiệm tại số tài khoản 06906925577000124 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương và khoản tiền tiết kiệm thường trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tại số tài khoản 06906925577000113 tại Ngân hàng TM TNHH Đại Dương (Ocean Bank) – chi nhánh Hải Dương, tất cả đều đứng tên Phạm Đức Ch.

Bà Bùi Thị Ch1 có trách nhiệm trả cho ông Ch số tiền 1.355.077.850 (một tỉ, ba trăm năm mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi) đồng.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ch có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu mang tên ông Phạm Đức Ch.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Phạm Đức Ch và bà Bùi Thị Ch đều không phải chịu.

4. Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Trọng Hải